

Bản án số: 66/2022/HS-PT

Ngày: 12 - 7 - 2022

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH THÁI NGUYÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đặng Minh Tuấn

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Mạnh Toàn.

Bà Trần Thị Nhài.

- Thư ký phiên tòa: Bà Hoàng Thị Mai Loan – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Thái Nguyên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Nguyên tham gia phiên tòa: Bà Đinh Thị Thu Huyền - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 7 năm 2022 tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Thái Nguyên xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm, thụ lý số 34/2022/TLPT-HS ngày 10 tháng 5 năm 2022, do có kháng cáo của bị cáo Lưu Thị Kh đối với bản án hình sự sơ thẩm số 20/2022/HSST ngày 06/4/2022 của Tòa án nhân dân huyện ĐT, tỉnh Thái Nguyên.

Bị cáo có kháng cáo:

Lưu Thị Kh; tên gọi khác: Lưu Thị H; sinh năm 1952; Nơi ĐKKHKT và chỗ ở: Xóm LC, xã LB, huyện ĐT, tỉnh Thái Nguyên; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: Lớp 10/10; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lưu Th1 (đã chết); con bà Trần Thị Định V1; có chồng là Đặng Trung Th1; có 05 con, con lớn nhất sinh năm 1975, con nhỏ nhất sinh năm 1982; tiền án, tiền sự: Không có; Bị cáo hiện tại ngoại. Có mặt tại phiên tòa.

Trong vụ án này có người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không kháng cáo và không bị kháng nghị, vắng mặt do Tòa án không triệu tập.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Lưu Thị Kh và bà Lương Thị C, sinh năm: 1972, trú tại xóm LC, xã LB, huyện ĐT, tỉnh Thái Nguyên là người cùng xóm với nhau, do quen biết nên trong khoảng thời gian từ tháng 4 năm 2017 đến tháng 8 năm 2017 Kh đã nhiều lần cho bà C vay tiền với lãi suất theo thỏa thuận tính theo ngày cụ thể bà C vay Kh 1.000.000 đồng tiền vay thì bà C phải trả cho Kh số tiền lãi là

3.000đồng/1triệu/1ngày, trong khoảng thời gian trên Kh đã cho bà C ba lần vay tiền, trong năm 2018 và đầu năm 2019 những lần trả tiền lãi cho Kh, bà C có ghi vào tờ giấy và khi nhận lãi Kh đã ký nhận vào 02 tờ giấy, cụ thể:

Lần thứ nhất: Ngày 06/4/2017, Kh cho bà C vay số tiền 80.000.0000 đồng, thỏa thuận lãi 3.000 đồng/01 triệu/01 ngày (tương ứng với 240.000 đồng tiền lãi/80.000.000 đồng/01 ngày), có giấy tờ vay nợ. Như vậy, số ngày Kh thu, nhận tiền lãi từ thời điểm cho vay (ngày 06/4/2017) đến hết năm 2017 là 269 ngày, số tiền lãi mà bà C đã trả cho Kh trong năm 2017 là $240.000 \text{ đồng} \times 269 \text{ ngày} = 64.560.000 \text{ đồng}$. Số tiền lãi hợp pháp theo quy định tại Điều 468 Bộ luật Dân sự lãi suất thỏa thuận không được vượt quá 20%/năm. Số tiền lãi vượt quá 20%/năm là vô hiệu, thu lợi bất chính. Với khoản vay trên số tiền lãi hợp pháp trong năm 2017 là $(20\% \times 80.000.000 \text{ đồng}) \times 269/365 = 11.791.780 \text{ đồng}$; số tiền lãi bất hợp pháp, vượt quá mức lãi suất do pháp luật quy định trong năm 2017 là $64.560.000 \text{ đồng} - 11.791.780 \text{ đồng} = 52.768.220 \text{ đồng}$. Kh tiếp tục thu, nhận tiền lãi do bà C trả từ ngày 01/01/2018 đến ngày 06/11/2019 là 675 ngày, số tiền lãi bà C đã trả cho Kh trong năm 2018 và 2019 là $240.000 \text{ đồng} \times 675 \text{ ngày} = 162.000.000 \text{ đồng}$; số tiền lãi hợp pháp là $(20\% \times 80.000.000 \text{ đồng}) \times 675/365 = 29.589.041 \text{ đồng}$; số tiền lãi bất hợp pháp, thu lợi bất chính là $162.000.000 \text{ đồng} - 29.589.041 \text{ đồng} = 132.410.959 \text{ đồng}$.

Lần thứ hai: Ngày 18/6/2017, Kh cho bà C vay số tiền 80.000.0000 đồng thỏa thuận lãi là 3.000 đồng/ 01 triệu/01 ngày (tương ứng với 240.000 đồng/80.000.000 đồng/ 01 ngày), có giấy tờ vay nợ. Như vậy, số ngày Kh thu, nhận tiền lãi từ thời điểm cho vay (ngày 18/6/2017) đến hết năm 2017 là 169 ngày. Số tiền lãi mà bà C đã trả cho Kh trong năm 2017 là $240.000 \text{ đồng} \times 169 \text{ ngày} = 40.560.000 \text{ đồng}$. Số tiền lãi hợp pháp trong năm 2017 là $(20\% \times 80.000.000 \text{ đồng}) \times 169/365 = 8.591.780 \text{ đồng}$. Số tiền lãi bất hợp pháp, vượt quá mức lãi suất do pháp luật quy định trong năm 2017 là $40.560.000 \text{ đồng} - 8.591.780 \text{ đồng} = 31.968.220 \text{ đồng}$. Kh tiếp tục thu, nhận tiền lãi do bà C trả từ ngày 01/01/2018 đến ngày 18/11/2019, số ngày Kh thu, nhận tiền lãi trong năm 2018 và 2019 là 687 ngày. Số tiền lãi bà C đã trả cho Kh trong năm 2018 và 2019 là $240.000 \text{ đồng} \times 687 \text{ ngày} = 164.880.000 \text{ đồng}$; số tiền lãi hợp pháp là $(20\% \times 80.000.000 \text{ đồng}) \times 687/365 = 30.115.068 \text{ đồng}$; số tiền lãi bất hợp pháp, thu lợi bất chính là $164.880.000 \text{ đồng} - 30.115.068 \text{ đồng} = 134.764.932 \text{ đồng}$.

Lần thứ ba: Ngày 20/8/2017, Kh cho bà C vay số tiền 100.000.0000 đồng thỏa thuận lãi 3.000 đồng /01 triệu/ 01 ngày (tương ứng với 300.000 đồng/100.000.000 triệu/ 01 ngày), có giấy tờ vay nợ. Như vậy, số ngày Kh thu, nhận tiền lãi từ thời điểm cho vay (ngày 20/8/2017) đến hết năm 2017 là 133 ngày. Số tiền lãi mà bà C đã trả cho Kh trong năm 2017 là $300.000 \text{ đồng} \times 133 \text{ ngày} = 39.900.000 \text{ đồng}$. Số tiền lãi hợp pháp trong năm 2017 là $(20\% \times 100.000.000 \text{ đồng}) \times 133/365 = 7.287.871 \text{ đồng}$. Số tiền lãi bất hợp pháp, vượt quá mức lãi suất do pháp luật quy định trong năm 2017 là $39.900.000 \text{ đồng} - 7.287.871 \text{ đồng} = 32.612.129 \text{ đồng}$. Kh tiếp tục thu, nhận tiền lãi do bà C trả từ ngày 01/01/2018 đến ngày 20/11/2019; số ngày Kh thu, nhận tiền lãi trong năm

2018 và 2019 là 689 ngày. Số tiền lãi bà C đã trả cho Kh trong năm 2018 và 2019 là $300.000 \text{ đồng} \times 689 \text{ ngày} = 206.700.000 \text{ đồng}$; số tiền lãi hợp pháp là $(20\% \times 100.000.000 \text{ đồng}) \times 689/365 = 37.753.424 \text{ đồng}$; số tiền lãi bất hợp pháp, thu lợi bất chính là $206.700.000 \text{ đồng} - 37.753.424 \text{ đồng} = 168.946.576 \text{ đồng}$.

Trong thời gian từ thời điểm vay tiền đến tháng 11/2019, bà C đã trả lãi hàng tháng cho Kh, số tiền lãi được tính cụ thể tương ứng với số ngày của từng tháng, đến nay bà C chưa trả tiền vay gốc. Trong các lần trả tiền lãi vào năm 2018 và đầu năm 2019 bà C có viết số tiền, thời gian trả tiền vào giấy và Kh đã ký tên của mình vào tờ giấy đó là 225.540.000 đồng.

Để phục vụ công tác điều tra Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện ĐT đã tiến hành thu thập tài liệu là các mẫu chữ ký của Lưu Thị Kh tại thời điểm Kh ký năm 2018, 2019 để trung cầu giám định với mẫu chữ ký mà Kh ký nhận lãi của bà C.

Tại kết luận giám định số 1441/KL-KTHS ngày 30/9/2021 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Thái Nguyên, kết luận: Chữ ký trên mẫu cần giám định (ký hiệu: A, B) so với chữ ký mang tên Lưu Thị Kh (trang 9,11, 15, 20, 21) trên mẫu so sánh (ký hiệu: M) do cùng một người ký ra.

Như vậy Kh cho bà C vay tiền với mức lãi suất là 3.000 đồng/1triệu/1ngày, các năm 2017, 2018 và 2019 đều có 365 ngày; với 1.000.000 đồng tiền cho vay, số tiền lãi của 01 năm mà bà C phải trả cho Kh là $3.000 \text{ đồng} \times 365 \text{ ngày} = 1.095.000 \text{ đồng}$, mức lãi suất của 01 năm Kh cho bà C vay tiền là 109,5%. Theo quy định Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi bổ sung 2017 có hiệu lực từ ngày 01/01/2018 thì hành vi cho vay và thu nhận tiền lãi trong năm 2017 áp dụng điều tra, xử lý theo Bộ luật hình sự năm 1999, sửa đổi bổ sung 2009. Do đó, hành vi của Kh trong năm 2017 không cấu thành tội phạm “Cho vay nặng lãi”, quy định tại Điều 163 Bộ luật hình sự năm 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009. Về mặt xử lý hành chính đến nay đã hết thời hiệu xử phạt vi phạm hành chính đối với hành vi của Kh trong năm 2017.

Năm 2018 và 2019, Kh tiếp tục cho vay và thu nhận tiền lãi của 03 khoản vay trên là 3.000 đồng/1triệu/1ngày, mức lãi suất này đã gấp 5,475 lần mức lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật Dân sự. Tổng số tiền thu lợi bất chính trong năm 2018 và 2019 là $132.410.959 \text{ đồng} + 134.764.932 \text{ đồng} + 168.946.576 \text{ đồng} = 436.122.467 \text{ đồng}$. Từ ngày 01/01/2018 theo quy định của pháp luật thì hành vi của Lưu Thị Kh đã phạm tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự”, quy định tại Điều 201 BLHS năm 2015 sửa đổi bổ sung năm 2017.

Tại cơ quan điều tra Lưu Thị Kh đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như nêu trên. Lời khai nhận tội của bị cáo phù hợp với các tài liệu chứng cứ điều tra thu thập được có trong hồ sơ vụ án như: Biên bản hỏi cung bị C; Lời khai của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, kết luận giám định...

Bản án hình sự sơ thẩm số 20/2022/HSST ngày 06/4/2022, Tòa án nhân dân huyện ĐT, tỉnh Thái Nguyên đã tuyên bố bị cáo Lưu Thị Kh phạm tội: “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự”.

- Căn cứ khoản 2, khoản 3 Điều 201; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38 Bộ luật hình sự; xử phạt: Bị cáo Lưu Thị Kh (Lưu Thị H) 15 (mười lăm) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày đi chấp hành án. Phạt bổ sung bị cáo 35.000.000 đồng nộp ngân sách nhà nước.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn quyết định trách nhiệm dân sự, xử lý vật chứng, nghĩa vụ nộp án phí và quyền kháng cáo bản án theo quy định.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 18/4/2022, bị cáo Lưu Thị Kh kháng cáo xin giảm hình phạt.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo kháng cáo xin được hưởng án treo, bị cáo khai nhận hành vi phạm tội của mình đúng như bản án sơ thẩm đã quy kết.

Quan điểm giải quyết vụ án của Kiểm sát viên tại phiên tòa:

Tòa án cấp sơ thẩm đã đánh giá đúng tính chất vụ án, hành vi phạm tội, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo và xử phạt bị cáo mức án 15 tháng tù là thỏa đáng, không nặng. Tại cấp phúc thẩm bị cáo không có thêm tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự nào mới nên không có căn cứ giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Từ phân tích trên, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355; Điều 356 Bộ luật tố tụng hình sự không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Lưu Thị Kh.

Bị cáo không tranh luận với kết luận của Viện kiểm sát.

Lời nói sau cùng, bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử cho bị cáo được hưởng án treo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Đơn kháng cáo của bị cáo Lưu Thị Kh gửi trong thời hạn và đúng theo thủ tục quy định nên được chấp nhận xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[2]. Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo đã khai nhận hành vi phạm tội của mình, lời khai của các bị cáo phù hợp với lời khai của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử có đủ căn cứ kết luận:

Vào khoảng năm 2017 bị cáo Lưu Thị Kh đã 03 lần cho bà Lương Thị C vay tiền đã thu tiền lãi nhiều lần trong năm 2017, tính từ ngày 01/01/2018 đến tháng 11/2019, Lưu Thị Kh đã nhiều lần thu tiền lãi trên số tiền cho bà Lương Thị C vay với lãi suất 3.000 đ/01 triệu/01 ngày, với tổng số lãi bất chính bị cáo thu vượt quá với số tiền là 436.122.467 đồng (gấp 5,475 lần quy định của Bộ luật dân sự), bị cáo đã nhận tiền của bà Lương Thị C trả lãi, trong các lần nhận tiền lãi của bà Lương Thị C trả bị cáo đều ký nhận.

Với hành vi trên, bị cáo Lưu Thị Kh bị Tòa án cấp sơ thẩm xét xử về tội: “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự” theo quy định tại khoản 2 Điều 201 Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng pháp luật.

Xét kháng cáo của bị cáo:

[3]. Trong vụ án này bị cáo Tòa án cấp sơ thẩm đã đánh giá đúng tính chất vụ án, hành vi phạm tội, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo và xử phạt bị cáo mức án 15 tháng tù là thỏa đáng, không nặng. Tại cấp phúc thẩm bị cáo không có thêm tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự nào mới nên không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của bị cáo.

Đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa là có căn cứ chấp nhận.

[4]. Về án phí: Do kháng cáo của bị cáo không được chấp nhận nên bị cáo phải nộp án phí hình sự phúc thẩm.

[5]. Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị, Hội đồng xét xử không xem xét và đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355; Điều 356 Bộ luật tố tụng hình sự; không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Lưu Thị Kh, giữ nguyên bản án hình sự sơ thẩm số 20/2022/HSST ngày 06/4/2022 của Tòa án nhân dân huyện ĐT, tỉnh Thái Nguyên.

1. Áp dụng khoản 2, khoản 3 Điều 201; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38 Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo Lưu Thị Kh (Lưu Thị H) 15 (mười lăm) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bị cáo đi chấp hành bản án về tội: “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự”. Phạt bổ sung bị cáo 35.000.000đ (ba mươi lăm triệu đồng) sung quỹ Nhà nước.

2. Án phí: Căn cứ Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016, về án phí và lệ phí Tòa án: Bị cáo Lưu Thị Kh phải nộp 200.000đ (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự phúc thẩm.

3. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm số 20/2022/HSST ngày 06/4/2022 của Tòa án nhân dân huyện ĐT, tỉnh Thái Nguyên có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đặng Minh Tuấn